

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 08-7-2022
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C-TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Liên

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Thành Công

2/ Bà Nguyễn Thị Hồng Thùy

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

Ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 415/2022/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 6 năm 2022, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi Văn M, sinh năm: 1963, địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Long An.

Bị đơn: Bà Trần Thị Đ, sinh năm: 1962, địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Long An.

Ông M và bà Đ có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình làm việc nguyên đơn ông Bùi Văn M trình bày như sau:

Ông M và bà Trần Thị Đ cưới nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 1995 tại UBND xã M, huyện C, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận kết hôn số 94 ngày 07/11/1995. Trong quá trình chung sống thời gian đầu ông và bà Đ sống hạnh phúc, nhưng về sau này thì phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, sinh hoạt gia đình. Ông và bà Đ thường hay bất đồng ý kiến, thường xuyên cãi vã dẫn đến mỗi người có cuộc sống riêng và đã ly thân được 03 năm. Nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị Đ.

Về con chung: Có 04 con chung là Bùi Thị Mỹ H, sinh năm: 1985; Bùi Văn H, sinh năm: 1988; Bùi Thị H, sinh năm: 1990 và Bùi Thị H, sinh năm: 1992, tất cả đã trưởng thành. Ông M không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: không có

Về nợ chung: không có.

Tại bản tự khai, bị đơn bà Trần Thị Đ trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông M, bà đồng ý ly hôn. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Tài sản chung, nợ chung: không có. Bà Đ xin được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc và xét xử vụ án do bà ở xa và bận công việc nên không sắp xếp đi được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Bùi Văn M yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị Đ là tranh chấp về ly hôn, do bà Đ cư trú huyện C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn ông Bùi Văn M và bị đơn bà Trần Thị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt ông M và bà Đ.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Văn M và bà Trần Thị Đ xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Lộc, huyện C, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Ông M yêu cầu được ly hôn với bà Đ vì cho rằng cuộc sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không hạnh phúc. Trong quá trình giải quyết vụ án, cả ông M và bà Đ đều trình bày ý kiến mong muốn được ly hôn, cả hai không thể hàn gắn và cũng đã ly thân một thời gian dài. Do đó Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân giữa ông M và bà Đ lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông M yêu cầu được ly hôn với bà Đ là có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Ông M và bà Đ có 04 con chung là Bùi Thị Mỹ H, sinh năm: 1985; Bùi Văn H, sinh năm: 1988; Bùi Thị H, sinh năm: 1990 và Bùi Thị H, sinh năm: 1992, tất cả đã trưởng thành, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Ông Bùi Văn M và bà Trần Thị Đ xác định không có tài sản chung Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Ông Bùi Văn M và bà Trần Thị Đ xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Ông Bùi Văn M phải chịu án phí hôn nhân theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn M đối với bà Trần Thị Đ.

Về hôn nhân: Cho ông Bùi Văn M được ly hôn với bà Trần Thị Đ.

2. Về án phí: Ông Bùi Văn M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004637 ngày 20/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Bùi Văn M, bà Trần Thị Đ vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- CC.THADS huyện C;
- **UBND xã M;**
- Dương sự;
- Lưu TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Liên